

417945 to 418185—Continued**418080 to 418160—Continued**

418136. NG 77-181.	418149. NG 77-216.
418137. NG 77-184.	418150. NG 77-217.
418138. NG 77-186.	418151. NG 77-218.
418139. NG 77-188.	418152. NG 77-219.
418140. NG 77-190.	418153. NG 77-220.
418141. NG 77-195.	418154. NG 77-225.
418142. NG 77-196.	418155. NG 77-230.
418143. NG 77-197.	418156. NG 77-231.
418144. NG 77-199.	418157. NG 77-235.
418145. NG 77-202.	418158. NG 77-237.
418146. NG 77-204.	418159. NG 77-238.
418147. NG 77-207.	418160. NG 77-240.
418148. NG 77-210.	

418161 to 418181. SACCHARUM SPONTANEUM L.

418161. NG 77-149.	418172. NG 77-209.
418162. NG 77-150.	418173. NG 77-212.
418163. NG 77-168.	418174. NG 77-213.
418164. NG 77-169.	418175. NG 77-214.
418165. NG 77-170.	418176. NG 77-215.
418166. NG 77-185.	418177. NG 77-221.
418167. NG 77-187.	418178. NG 77-222.
418168. NG 77-189.	418179. NG 77-223.
418169. NG 77-201.	418180. NG 77-227.
418170. NG 77-203.	418181. NG 77-229.
418171. NG 77-208.	

418182. Undetermined.
NG 77-18.

418184. Undetermined.
NG 77-32.

418183. Undetermined.
NG 77-23.

418185. Undetermined.
NG 77-64.

418186. LYCOPERSICON ESCULENTUM Mil. Solanaceae. Tomato.

From United States. Plants presented by C. F. Reed, Baltimore, Maryland. Numbered July 21, 1977.

Sugar Grove, Smyth County, Virginia. Plants of medium vigor, flowers usually with 10 segments. Fruits flattened, firm, greenish yellow at maturity; flesh thick, green; jelly-pale green. Continuously grown on farm for many years.

418187 to 418203. TRITICUM AESTIVUM L. Poaceae. Common wheat.

From Union of Soviet Socialist Republics. Seed presented by D. D. Brezhnev, N. I.

Vavilov Institute of Plant Industry, Leningrad. Received July 5, 1977.

418187. VIR 15197. Moskovskaja 2453. Winter type.

418188. VIR 15199. Moskovskaja 2470. Winter type.

418189. VIR 29911. Grekum 433. Kazakh S.S.R. Winter type.